

Bản án số: 576/2023/KDTM-PT

Ngày: 17/5/2023

V/v tranh chấp hợp đồng
dịch vụ vận chuyển hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hương

Bà Phùng Thị Như Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”.

Do bản án sơ thẩm số 171/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1836/2023/QĐPT-KDTM ngày 26/4/2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH D

Địa chỉ: Số 06 đường T, Phường R, quận T2, TPHCM

Người đại diện theo pháp luật: Ông C

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông K

Địa chỉ: 168 đường N, xã T, huyện H, TPHCM

Bị đơn: Công ty TNHH G

Đại chỉ: Tầng trệt Block B tòa nhà T, số 4 đường T, phường H, quận T1, TPHCM

Địa chỉ liên lạc: Số 245 đường T, phường T, quận T1, TPHCM

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc T

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Tấn T

Địa chỉ liên lạc: Số 245 đường T, phường T, quận T1, TPHCM

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH G.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Công ty TNHH D (gọi là nguyên đơn) do ông K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/11/2017 nguyên đơn và Công ty TNHH G (gọi tắt bị đơn) có ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ vận chuyển phát nhanh, thanh toán trả sau. Ngày 17/6/2020 đến ngày 26/8/2020 nguyên đơn đã cung cấp dịch vụ vận chuyển phát nhanh cho bị đơn tổng cộng là 15 lô hàng và đã xuất hóa đơn tài chính cho bị đơn. Tổng cộng số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.604.294.142 đồng. Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nên đã khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần số nợ trên.

Ngày 16/9/2020 nguyên đơn có lập bản thống kê đối chiếu công nợ đối với số tiền 2.604.294.142 đồng và gửi thông báo nhắc nợ cho bị đơn bằng đường văn thư chuyển phát nhanh nhưng bị đơn không phản hồi ý kiến về công nợ cho nguyên đơn.

Thực tế, từ khi ký kết hợp đồng hai bên đã thực hiện vận chuyển hàng hóa từ thời điểm giao kết đến năm 2020. Nội dung hợp đồng nguyên tắc hai bên đã ký, thể hiện: sau khi phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn, khách hàng có quyền phản đối bằng văn bản gửi cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn tài chính và gửi cho bị đơn. Bị đơn nhận được các hóa đơn của nguyên đơn gửi nhưng không có khiếu nại gì thì đương nhiên bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo nội dung hóa đơn đã xuất. Thực tế, đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán đối với số tiền vận chuyển cho nguyên đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền chi phí vận chuyển một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể số tiền theo từng hóa đơn giá trị gia tăng gồm:

1/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0045104, ngày 17/6/2020 gồm 15 vận đơn, số tiền là 171.966.277 đồng.

2/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0043905, ngày 17/6/2020 gồm 01 vận đơn, số tiền là 788.850 đồng

3/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0051678, ngày 30/6/2020 gồm 30 vận đơn, số tiền là 479.040.587 đồng.

4/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0050455, ngày 30/6/2020 gồm 01 vận đơn, số tiền là 3.974.348 đồng.

5/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0048304, ngày 24/6/2020 gồm 14 vận đơn, số tiền là 168.269.883 đồng.

6/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0053525, ngày 08/7/2020 gồm 01 vận đơn, số tiền là 6.240.188 đồng.

7/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0054715, ngày 08/7/2020 gồm 29 vận đơn, số tiền là 497.856.237 đồng.

8/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0058056, ngày 15/7/2020 gồm 36 vận đơn, số tiền là 539.152.899 đồng.

9/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0061188, ngày 22/7/2020 gồm 17 vận đơn, số tiền là 126.547.224 đồng.

10/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0065274, ngày 31/7/2020 gồm 26 vận đơn, số tiền là 100.856.531 đồng.

11/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0067741, ngày 05/8/2020 gồm 14 vận đơn, số tiền là 67.793.021 đồng.

12/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0063790, ngày 31/7/2020 gồm 02 vận đơn, số tiền là 2.686.107 đồng.

13/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0070796, ngày 12/8/2020 gồm 16 vận đơn, số tiền là 232.489.447 đồng.

14/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0074056, ngày 19/8/2020 gồm 18 vận đơn, số tiền là 98.781.393 đồng.

15/ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0077237, ngày 26/8/2020 gồm 11 vận đơn, số tiền là 107.851.150 đồng.

Nguyên đơn đã dịch các vận đơn hàng không sang tiếng Việt, văn bản dịch được công chứng và nộp đầy đủ cho Tòa án. Nguyên đơn không đồng ý gửi bản dịch của các vận đơn cho bị đơn. Bị đơn có quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ để được sao chụp tài liệu, chứng cứ theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH G (Gợi tắt Công ty G) do ông Phan Tấn T và ông H là người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý, vì không cung cấp chứng cứ về việc có vận chuyển hàng hóa cho bị đơn. Về chứng cứ, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là bản hợp đồng nguyên tắc, các hóa đơn tài chính. bị đơn không đồng ý xem đó là chứng cứ vì hóa đơn do nguyên đơn tự lập mà không xuất trình các chứng cứ kèm theo để chứng minh có vận chuyển hàng hóa. bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải dịch sang tiếng Việt đối với chứng cứ giao nhận hàng hóa, thỏa thuận giá, vận đơn (đang ghi bằng tiếng nước ngoài) để bị đơn thực hiện yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện các văn bản do nguyên đơn gửi cho bị đơn đều ghi bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh). bị đơn yêu cầu nguyên đơn dịch sang tiếng Việt và được công chứng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án thụ lý đơn yêu cầu phản tố về việc tuyên vô hiệu hợp đồng vận chuyển giữa nguyên đơn và bị đơn với lý do không hoàn toàn tự nguyện, bị lừa dối. Nguyên đơn cố ý gửi văn bản kích cỡ chữ quá nhỏ không thể đọc được cho bị đơn để giao kết hợp đồng. Bị đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Bị đơn không nhận được các văn bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt của các vận đơn. Phía bị đơn đề nghị nguyên đơn phải gửi toàn bộ bản sao các văn bản dịch sang tiếng Việt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn cho biết đối với nội dung hợp đồng nguyên tắc được công khai tại trang thông tin điện tử của nguyên đơn, bị đơn được quyền vào đọc. Khi thực hiện vận chuyển, nguyên đơn có tạo một phần mềm (app) giao cho bị đơn. Khi bị đơn có hàng cần vận chuyển thì nhập thông tin vào phần mềm (app) này, nguyên đơn đưa phương tiện và nhân viên đến để vận chuyển hàng hóa ra sân bay. Tại phần mềm này đều hiển thị đơn giá cước cụ thể tương ứng với số lượng, khối lượng hàng hóa mà bị đơn muốn vận chuyển đến từng quốc gia, vùng lãnh.

Đối với các đơn hàng của bị đơn, nguyên đơn đã vận chuyển hoàn thành. Tuy nhiên, tiền cước phí vận chuyển, bị đơn chưa thanh toán, nguyên đơn cho rằng đây là đòi tài sản, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại quan hệ tranh chấp của vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp chứng cứ là bản dịch sang tiếng Việt của các vận đơn. Theo quy định nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, nguyên đơn phải giao cho bị đơn 01 bản. Hiện bị đơn vẫn chưa nhận được chứng cứ trên nên đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa và tạm đình chỉ vụ án. Bị đơn đồng ý về quan hệ tranh chấp như phía nguyên đơn đã trình bày.

Bị đơn xác nhận các vận đơn mà nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng, phía nguyên đơn đã vận chuyển hoàn thành, đối tác của bị đơn đã nhận được hàng. Tuy nhiên vì tin tưởng nguyên đơn nên bị đơn không khiếu nại về đơn giá mà nguyên đơn đã tính toán với bị đơn. Trong quá trình vận chuyển có một đơn hàng nguyên đơn không vận chuyển được và trả lại cho bị đơn, làm cho bị đơn bị thiệt hại. Nay nguyên đơn muốn thương lượng thì phải giảm 30% trên số tiền phải thanh toán để bị đơn có điều kiện thanh toán.

Đại diện nguyên đơn chỉ đồng ý giảm 300.000.000 đồng với điều kiện bị đơn phải thanh toán ngay tại phiên tòa hôm nay. Phía bị đơn không đồng ý.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 171/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T1 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH D.
2. Buộc Công ty TNHH G phải thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền là 2.604.294.142 đồng (Hai tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi hai đồng).

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH D có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH G chưa thi hành, còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 84.085.900 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm đồng) Công ty TNHH G chịu.

Hoàn lại cho Công ty TNHH D số tiền 42.042.941 đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi một đồng) theo biên lai thu số 0062432 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/10/2022, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Toà án Quận T1 thu thập chứng cứ và áp dụng pháp luật chưa phù hợp và vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm và buộc bị đơn phải thanh toán cước phí mà nguyên đơn đã xuất 15 hoá đơn cho 231 vận đơn, số tiền là 2.604.294.142 đồng.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm với các lý do sau:

- Toà án Quận T1 áp dụng pháp luật chưa phù hợp thể hiện qua việc đã xác định sai quan hệ tranh chấp. Căn cứ vào đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ chuyển phát nhanh”, tuy nhiên khi xét xử Toà án sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp tại bản án là “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hoá”.

- Toà án áp dụng sai pháp luật khi xét xử do xác định sai quan hệ tranh chấp.

- Toà án vi phạm trong quá trình thu thập chứng cứ, cụ thể trong quá trình công khai chứng cứ bị đơn chưa được tiếp cận các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp.

- Ngoài ra Toà án Quận T1 đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng qua việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn dẫn đến quyền lợi của bị đơn bị thiệt hại. Hiện nay bị đơn đã nộp đơn khởi kiện Công ty TNHH D về tranh chấp hợp đồng dịch vụ tại Toà án nhân Quận T2, do đó bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với vụ án này để chờ Toà án nhân dân Quận T2 giải quyết vụ án sơ thẩm trước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 171/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH G, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện có căn cứ xác định nguyên đơn là thương nhân chuyên cung cấp các dịch vụ phát chuyển nhanh quốc tế. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại Tòa án thì các bên đều thống nhất xác định bị đơn đã yêu cầu nguyên đơn thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa. Trong thời gian từ ngày 17/6/2020 đến 26/8/2020, nguyên đơn đã hoàn thành vận chuyển 15 lô hàng với 231 vận đơn hàng không và đã phát hành 15 hoá đơn cụ thể như sau: hóa đơn giá trị gia tăng số 0045104, ngày 17/6/2020 gồm 15 vận đơn, số tiền là 171.966.277 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0043905, ngày 17/6/2020 gồm 01 vận đơn, số tiền là 788.850 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0051678, ngày 30/6/2020 gồm 30 vận đơn, số tiền là 479.040.587 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0050455, ngày 30/6/2020 gồm 01 vận đơn, số tiền là 3.974.348 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0048304, ngày 24/6/2020 gồm 14 vận đơn, số tiền là 168.269.883 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0053525, ngày 08/7/2020 gồm 01 vận đơn, số tiền là 6.240.188 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0054715, ngày 08/7/2020 gồm 29 vận đơn, số tiền là 497.856.237 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0058056, ngày 15/7/2020 gồm 36 vận đơn, số tiền là 539.152.899 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0061188, ngày 22/7/2020 gồm 17 vận đơn, số tiền là 126.547.224 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0065274, ngày 31/7/2020 gồm 26 vận đơn, số tiền là 100.856.531 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0067741, ngày 05/8/2020 gồm 14 vận đơn, số tiền là 67.793.021 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0063790, ngày 31/7/2020 gồm 02 vận đơn, số tiền là 2.686.107 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0070796, ngày 12/8/2020 gồm 16 vận đơn, số tiền là 232.489.447 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0074056, ngày 19/8/2020 gồm 18 vận đơn, số tiền là 98.781.393 đồng; hóa đơn giá trị gia tăng số 0077237, ngày 26/8/2020 gồm 11 vận đơn, số tiền là 107.851.150 đồng. Tổng cộng giá trị của 15 hoá đơn là 2.604.294.142 (Hai tỉ sáu trăm lẻ bốn triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi hai) đồng.

Bị đơn không thanh toán phí dịch vụ nên nguyên đơn khởi kiện đòi thanh toán phí còn nợ phát sinh từ dịch vụ vận chuyển nêu trên, do đó Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa được quy định tại Điều 233 Luật thương mại năm 2005.

- Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn có trụ sở tại quận T1 nên Tòa án nhân dân quận T1 thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định thẩm quyền giải quyết là có cơ sở.

Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Đối với việc thu thập, kiểm tra chứng cứ và mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xét thấy sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận T1 đã mở các phiên họp vào ngày 31/8/2022 và ngày 28/6/2022 theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên họp bị đơn có mặt và được Tòa án công khai các chứng cứ. Tại khoản 8, 9 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định các đương sự được biết, ghi chép, sao chụp chứng cứ do đương sự khác giao nộp; có nghĩa vụ gửi cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của họ bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ trừ những tài liệu chứng cứ mà đương sự khác đã có; hoặc nếu không thể sao chụp thì có đương sự có quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ. Trong trường hợp nguyên đơn không tự gửi tài liệu, chứng cứ cho bị đơn thì bị đơn vẫn được quyền đề nghị Tòa án cho tự sao chụp, ghi chép hoặc đề nghị Tòa án hỗ trợ sao chụp tài liệu, chứng cứ. Trên thực tế, bị đơn đã có đơn yêu cầu Tòa án sao chụp hồ sơ nên việc bị đơn cho rằng không được tiếp cận chứng cứ là không có căn cứ.

Mặt khác, khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, mà còn căn cứ vào chứng cứ do Tòa án thu thập là thông tin của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là 15 hoá đơn giá trị gia tăng do Công ty TNHH D phát hành cho Công ty TNHH G và kê khai thuế giá trị gia tăng trong kỳ khai tháng 6/2020, 7/2022 và tháng 8/2020. Do đó, bị đơn cho rằng Tòa án Quận T1 sử dụng những chứng cứ chưa được công khai là không có cơ sở.

[2.2] Qua các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự giao nộp đã cho thấy trên thực tế nguyên đơn đã vận chuyển hàng cho bị đơn bắt đầu từ ngày 10/11/2017 đến năm 2020 và các bên đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đã được thoả thuận. Tuy nhiên, từ ngày 17/6/2020 đến ngày 26/8/2020 nguyên đơn đã vận chuyển cho bị đơn tổng cộng là 15 lô hàng gồm 231 vận đơn hàng không và đã xuất hóa đơn tài chính cho bị đơn với tổng số tiền là 2.604.294.142 đồng. Xét thấy việc nguyên đơn đã hoàn tất việc vận chuyển hàng hoá theo yêu cầu nhưng bị đơn không thanh toán cước phí là vi phạm về nghĩa vụ mà các bên đã thoả

thuận. Do đó, bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.604.294.142 đồng là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.3] Bị đơn trình bày vào ngày 29/8/2022, bị đơn đã có yêu cầu phản tố yêu cầu Toà án Quận T1 tuyên bố hợp đồng nguyên tắc ngày 10/11/2017 vô hiệu do bị lừa dối, đồng thời bị đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, Toà án Quận T1 đã không chấp nhận thụ lý đơn yêu cầu phản tố của bị đơn dẫn đến quyền lợi của bị đơn bị thiệt hại và Toà án đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp đòi tiền dịch vụ còn nợ phát sinh trong hợp đồng dịch vụ vận chuyển giữa các bên. Bị đơn cho rằng hợp đồng bị vô hiệu nhưng bị đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy việc xem xét để xác định hiệu lực pháp lý của giao dịch nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn là cần thiết, không cần căn cứ vào việc các bên có yêu cầu Toà án xem xét hiệu lực pháp lý của giao dịch đó hay không. Hơn nữa, bị đơn không yêu cầu giải quyết về hậu quả của giao dịch vô hiệu và không buộc nguyên đơn phải thực hiện nghĩa vụ đối với bị đơn. Căn cứ theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định yêu cầu tuyên bố giao dịch bị vô hiệu của bị đơn trong trường hợp này không phải là yêu cầu phản tố mà được xác định là ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, lời trình bày của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn về việc tạm đình chỉ vụ án phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 10/11/2017, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện thoả thuận giao dịch thể hiện qua mẫu đơn đăng ký và các điều khoản chung kèm theo. Các bên xác định đây là hợp đồng nguyên tắc. Bị đơn nộp đơn khởi kiện hợp đồng nguyên tắc nêu trên tại Toà án nhân dân Quận T2 và đã được Toà án thụ lý theo hồ sơ vụ án số 162/2022/KDTM-ST ngày 28/12/2022 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển”. Vụ án này không liên quan đến tranh chấp yêu cầu thanh toán cước phí phát sinh từ giao dịch vận chuyển hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ pháp luật để chấp nhận yêu cầu về việc tạm đình chỉ vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm để chờ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Toà án nhân dân Quận T2 xét xử trước.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán.

Đối với phần quyết định về lãi suất trong bản án của Toà án, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì mức lãi suất được quyết định theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005. Toà án nhân dân Quận T1 quyết định lãi suất phải trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự là chưa chính xác nên cần phải điều chỉnh.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH G.

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 171/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng các Điều 30, 38, 148, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH D.

[2] Buộc Công ty TNHH G phải thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền là 2.604.294.142 đồng (Hai tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi hai đồng).

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH D cho đến khi thi hành xong, Công ty TNHH G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH D không yêu cầu Công ty TNHH G trả tiền lãi chậm thanh toán.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 84.085.900 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm đồng) Công ty TNHH G phải chịu.

Hoàn lại cho Công ty TNHH D số tiền 42.042.941 đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi một đồng) theo biên lai thu số 0062432 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: 2.000.000 (hai triệu) đồng Công ty TNHH G phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0036404 ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận T1;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận T1;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Đoàn Trang

